

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 08/2024/LĐ-ST

Ngày: 19-7-2024

V/v Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Cẩm**

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông **Võ Hoàng Thu**.
- Ông **Lê Văn Dương**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham dự phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 18/2023/TLST-LĐ ngày 11/12/2023 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2024/QĐXXST-LĐ ngày 19/4/2024; Thông báo dời phiên tòa số 08/TB-TA ngày 16/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/1/2024/QĐST-LĐ ngày 11/6/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 71/2024/QĐST-LĐ ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: **A Khu N đường Đ, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Công ty TNHH T3** (tên gọi mới: **Công ty Cổ phần C**)

Trụ sở: 31 **Đường số F, Khu dân cư Đ, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Tú S** – Chức danh: Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: **Khu N, Thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**. (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316361429; đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 02/7/2024)

Người đại diện theo ủy quyền là ông **Trương Sỹ T1**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: **C Đường số F, Khu dân cư Đ, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Theo Giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-SVN ngày 15/7/2024) (Ông **T1** có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 01/6/2023, bà và Công ty TNHH T3 có ký Hợp đồng lao động số HĐLD-006/23, trong đó bà đến Công ty T3 làm việc với chức vụ là Kế toán trưởng, thời hạn hợp đồng là từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/12/2023.

Lương chính hàng tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng là 8.940.000 đồng kèm theo các phụ cấp khác nhưng trên thực tế lương bà được nhận bình quân hàng tháng là khoảng 23.000.000 đồng.

Trong quá trình làm việc tại công ty T3 bà luôn hoàn thành công việc mà công ty giao cho. Bà đã nhận đủ tiền lương cũng như được đóng bảo hiểm xã hội đến ngày 30/8/2023.

Vào sáng ngày 30/8/2023 khi bà vào làm việc thì ông Võ Anh T2 là Tổng Giám đốc công ty có gọi bà vào phòng để trao đổi và báo cáo tiến độ công việc trong 03 tháng vừa qua. Khi bà đã trình bày xong thì ông T2 tỏ ý không hài lòng khi bà kê khai thuế giá trị gia tăng Quý 2/2023 để dẫn đến bị đóng thuế. Liên tiếp trong sáng ngày 30/8/2023 ông T2 ra quyết định cho bà thôi việc theo Quyết định số 02-08/QĐ ngày 30/8/2023 và chấm dứt hợp đồng lao động với bà kể từ ngày 01/9/2023. Công ty TNHH T3 đã không báo trước với bà trước 03 ngày làm việc mà lại cho bà nghỉ ngay.

Sau khi nhận quyết định thì bà không đồng ý với lý do mà công ty cho bà thôi việc, không báo trước như vậy nên bà có yêu cầu công ty nhận bà trở lại làm việc hoặc phải bồi thường cho bà theo quy định.

Sau đó, Công ty T3 liên lạc yêu cầu bà quay trở lại viết đơn xin nghỉ việc hoặc chuyển bộ phận khác, chứ không đồng ý nhận bà trở lại làm việc theo hợp đồng lao động hay bồi thường cho bà theo quy định.

Nhận thấy Công ty TNHH T3 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với tôi trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động năm 2019.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Công ty T3 như sau:

- Trả một khoản tiền tương ứng với việc vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật lao động đối với hợp đồng lao động dưới 12 tháng, (03 ngày làm việc) tương đương với số tiền là $23.000.000 \text{ đồng} / 22 \text{ ngày} \times 3 = 3.136.362 \text{ đồng}$.

- Do Công ty TNHH T3 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải bồi thường cho bà số tiền 46.000.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty TNHH T3 nhận bà trở lại làm việc và phải trả cho bà tiền lương trong những ngày bà không được làm việc tính từ ngày 01/9/2023 cho đến khi công ty nhận bà trở lại làm việc hoặc đến thời hạn chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, tính đến ngày 31/12/2023 là 92.000.000 đồng.

- Bồi thường cho bà số tiền bảo hiểm xã hội tính theo mức lương ký kết trên hợp đồng lao động tính từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023: $(8.940.000 \text{ đồng} / \text{tháng} \times 21,5\%) \times 04 \text{ tháng} = 7.688.400 \text{ đồng}$.

- Trả cho bà 01 tháng tiền lương thứ 13 theo quy chế của công ty là 23.000.000 đồng.

- Các phúc lợi, thưởng lễ Tết, sinh nhật là 1.000.000 đồng.

- Trả tiền cho bà 04 ngày phép năm mà bà không nghỉ: 23.000.000 đồng/22 ngày x 04 ngày phép = 4.181.818 đồng.

Tổng cộng bà yêu cầu Công ty TNHH T3 bồi thường cho bà là 177.006.580 đồng.

Tại phiên tòa ngày 24/6/2024, bà T xác định bà không yêu cầu công ty nhận bà trở lại làm việc nữa và bà cũng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lương thứ 13 là 23.000.000 đồng và các phúc lợi, thưởng lễ Tết, sinh nhật là 1.000.000 đồng. Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại thì bà vẫn giữ nguyên. Mặt khác, bà T cũng xác nhận theo hợp đồng lao động mà các bên ký thì tiền lương và các khoản phụ cấp khác được ghi nhận là 10.670.000 đồng nhưng trên thực tế từ tháng 7/2023 và tháng 8/2023 bà được Công ty T3 chuyển khoản tiền lương là 23.000.000, trong đó có khoảng 13.000.000 đồng là tiền lương hiệu quả công việc (KPI).

Tại phiên tòa hôm nay, bà T xin rút yêu cầu bồi thường cho bà số tiền bảo hiểm xã hội tính theo mức lương ký kết trên hợp đồng lao động tính từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023: (8.940.000 đồng/ tháng x 21,5%) x 04 tháng = 7.688.400 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T3 (tên mới là Công ty Cổ phần C) không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào, chỉ cung cấp một số tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Sỹ T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T3 (tên mới là Công ty Cổ phần C) trình bày:

Công ty C1 mức lương ký theo hợp đồng lao động số HĐLĐ-006/23 ngày 01/6/2023 với bà Lê Thị T là 10.670.000 đồng, còn thưởng theo hiệu quả công việc (KPI) không được ghi nhận cụ thể trong hợp đồng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Áp dụng Bộ luật lao động năm 2019:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
- Không chấp nhận việc bà T yêu cầu trả 04 ngày nghỉ phép năm;
- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lương thứ 13, các phúc lợi, thưởng lễ Tết, sinh nhật và yêu cầu bồi thường bảo hiểm xã hội.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định bà **Lê Thị T** khởi kiện tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bị đơn **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) (gọi tắt là **Công ty C**). Bị đơn có trụ sở tại **huyện B** nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm d khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa nhân dân **huyện B** có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn và tên gọi mới của bị đơn:

Căn cứ theo Văn bản số 1283/ĐKKD-T6 ngày 06/02/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh của **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H** thì người đại diện theo pháp luật là ông **Võ Anh T2**.

Đến ngày 11/6/2024, công ty cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316361429; đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 29/5/2024 thì người đại diện theo pháp luật là ông **Phan Tú S**.

Đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316361429; đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 02/7/2024 thì người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn là ông **Phan Tú S**, tuy nhiên bị đơn có tên gọi mới là **Công ty Cổ phần C** nên Tòa án cập nhật tên mới của bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật: Các đương sự ký hợp đồng lao động và tranh chấp xảy ra vào thời điểm Bộ luật lao động năm 2019 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết vụ án.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án thu thập được để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[5] Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

[5.1] Về quá trình bà **T** làm việc tại **Công ty T3** (nay là **Công ty C**):

Theo Hợp đồng lao động số HĐLĐ -006/73 ngày 01/6/2023 do nguyên đơn và bị đơn cung cấp có cơ sở xác định bà **T** ký hợp đồng lao động với **Công ty T3** với thời hạn là 07 tháng tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/12/2023.

Tại Quyết định số 01/2023/QĐ-NT ngày 01/7/2023 của **Công ty T3** về việc bổ nhiệm kế toán trưởng đối với bà **Lê Thị T**;

Và tại Quyết định số 02-08/QĐ ngày 30/8/2023 của **Công ty T3** cho bà **T** thôi việc kể từ ngày 01/9/2023, với lý do không hoàn thành công việc được giao.

[5.2] Về quá trình **Công ty T3** trả lương cho bà **T**:

Theo Phiếu Sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ của **Ngân hàng TMCP Q (MB)** ngày 16/5/2024 do bà **Lê Thị T** cung cấp thể hiện như sau:

- Ngày 06/7/2023 **Công ty T3** trả lương tháng 6/2023 là 12.912.436 đồng;
- Ngày 10/8/2023 **Công ty T3** trả lương tháng 7/2023 là 22.123.300 đồng;
- Ngày 11/9/2023 **Công ty T3** trả lương tháng 8/2023 là 23.221.300 đồng.

[6] Về yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6.1] Về mức lương mà bà **T** làm cơ sở tính yêu cầu khởi kiện là 23.000.000 đồng:

Căn cứ theo Hợp đồng lao động số HĐLĐ - 006/73 ngày 01/6/2023 thì giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận như sau:

- Mức lương chính hoặc tiền công đóng BHXH là 8.940.000 đồng/tháng;
- Phụ cấp xăng xe, điện thoại, cơm trưa: 1.730.000 đồng/tháng
- Thưởng hiệu quả công việc sẽ phát sinh theo tháng.

Như vậy, tiền lương và các khoản phụ cấp khác thỏa thuận theo hợp đồng là 10.670.000 đồng, còn khoản phát sinh ngoài lương và phụ cấp là thưởng từ hiệu quả công việc.

Điều này phù hợp với Phiếu lương chính thức tạm tính (dựa trên 22 ngày công) do **Công ty T3** cung cấp vào ngày 11/6/2024 thì tổng lương tạm tính trong tháng là 24.160.000 đồng gồm lương cơ bản + phụ cấp là 10.670.000 đồng và lương hiệu quả công việc (KPI) là 13.490.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 06/2023 đến tháng 8/2023 **công ty T3** thưởng hiệu quả công việc cho bà **T** đều dưới số tiền 13.490.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì : “*Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*”

Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP 01/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động tiền lương ghi trong hợp đồng lao động do người sử dụng lao động thỏa thuận với người lao động để thực hiện công việc nhất định, bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp được ghi trong hợp đồng lao động.

Do đó, việc bà **T** yêu cầu lấy số tiền 23.000.000 đồng để làm cơ sở tính các khoản yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở. Căn cứ theo quy định thì tiền lương và các

khoản phụ cấp được ghi trong hợp đồng lao động là 10.670.000 đồng, đây là cơ sở để tính các khoản yêu cầu khởi kiện.

[6.2] Trả một khoản tiền tương ứng với việc vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật lao động đối với hợp đồng lao động dưới 12 tháng, (03 ngày làm việc) tương đương với số tiền là $23.000.000 \text{ đồng} / 22 \text{ ngày} \times 3 = 3.136.362 \text{ đồng}$.

Quyết định số 02-08/QĐ ngày 30/8/2023 của Công ty T3 cho bà T thôi việc kể từ ngày 01/9/2023, với lý do không hoàn thành công việc được giao.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật lao động thì bị đơn Công ty T3 đã vi phạm thời hạn báo trước đối với hợp đồng lao động dưới 12 tháng là 03 ngày làm việc.

Do đó, bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền tương ứng do vi phạm thời hạn báo trước là: $10.670.000 / 22 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày} = 1.455.000 \text{ đồng}$.

[6.3] Do Công ty TNHH T3 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải bồi thường cho bà T 02 tháng tiền lương:

Mặc dù, Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu Công ty T3 cung cấp chứng cứ về trình tự thủ tục khi ban hành Quyết định số 02-08/QĐ ngày 30/8/2023 nhưng Công ty T3 không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án. Phía bị đơn chỉ cung cấp Nội quy lao động nhưng không có văn bản ý kiến lý giải lý do cho bà Lê Thị T thôi việc.

Căn cứ theo Quyết định số 02-08/QĐ ngày 30/8/2023 nhưng Công ty T3 thể hiện việc công ty cho bà T thôi việc là trái pháp luật, vi phạm các thủ tục, trình tự theo quy định của Bộ luật lao động. Cho nên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường 02 tháng tiền lương là phù hợp, tương ứng với số tiền là $10.670.000 \text{ đồng} / \text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 21.340.000 \text{ đồng}$.

[6.4] Yêu cầu Công ty TNHH T3 phải trả cho bà tiền lương trong những ngày bà không được làm việc tính từ ngày 01/9/2023 đến ngày 31/12/2023:

Như đã nhận định như trên, căn cứ theo quy định của Bộ luật lao động thì công ty T3 phải trả lương cho những ngày bà T không được làm việc như sau: $(10.670.000 \text{ đồng} / \text{tháng} \times 04 \text{ tháng}) = 42.680.000 \text{ đồng}$

[6.5] Trả tiền cho bà T 04 ngày phép năm mà bà không nghỉ: $23.000.000 \text{ đồng} / 22 \text{ ngày} \times 04 \text{ ngày} \text{ phép} = 4.181.818 \text{ đồng}$.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 113 Bộ luật lao động thì:

“1. Người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau:

- a) 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường;*
- b) 14 ngày làm việc đối với người lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;*
- c) 16 ngày làm việc đối với người làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.*

2. Người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc.”

Tuy nhiên, theo như xác nhận của bà T tại phiên tòa thì từ tháng 6, 7, 8/2023 bà đã nghỉ phép năm trong thời gian làm việc này, vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả tiền 04 ngày phép năm của bà T.

[6.6] Do bà **T** rút yêu cầu khởi kiện trả cho bà 01 tháng tiền lương thứ 13, các phúc lợi, thưởng lễ Tết, sinh nhật và yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tổng số tiền mà **Công ty TNHH T3** có trách nhiệm trả và bồi thường cho bà **Lê Thị T** gồm: 1.455.000 đồng + 21.340.000 đồng + 42.680.000 đồng = 65.475.000 đồng.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

- Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.
- Bị đơn **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.964.250 đồng.

[9] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm d khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 64, điểm b khoản 1 Điều 92; Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 259, Điều 264 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị T** đối với bị đơn **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) về tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, cụ thể là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước, bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, trả tiền lương trong những ngày không được làm việc.

Buộc **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) có trách nhiệm trả và bồi thường cho bà **Lê Thị T** tổng số tiền là 65.475.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà **Lê Thị T** có đơn yêu cầu thi hành án nếu **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) chậm thực hiện việc trả tiền thì **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày bà **Lê Thị T** có đơn yêu cầu thi hành án. Lãi suất phát sinh do

chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận việc bà **Lê Thị T** yêu cầu **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) trả tiền 04 ngày phép năm.

3. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị T** về việc yêu cầu **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) trả 01 tháng tiền lương thứ 13, các phúc lợi, thưởng lễ Tết, sinh nhật và yêu cầu bồi thường bảo hiểm xã hội.

4. Về án phí:

4.1 Nguyên đơn bà **Lê Thị T** được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm.

4.2 Bị đơn **Công ty TNHH T3** chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.964.250 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Lê Thị T** và ông **Trương Sỹ T1** là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn **Công ty TNHH T3** (tên mới là **Công ty Cổ phần C**) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (3);
- Cơ quan khác (5);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2).

Trần Thị Hồng Cẩm

